

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **97/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 29/9/2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Lượng

2. Bà Đinh Thị Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 285/2022/TLST- HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2022 về việc Tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2022/QĐST- HNGĐ, ngày 31/8/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 66/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lý Văn Đ, sinh năm 2000.

- Bị đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 2003.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

(Anh Lý Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt,

chị Bùi Thị H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án anh Lý Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/12/2021 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang theo đúng quy định của pháp luật. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới vợ chồng anh chị làm ăn và chung sống tại thôn T, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chung sống có

hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2021 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng. Nay, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị Bùi Thị H trốn tránh, không hợp tác làm việc, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không hòa giải được.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/7/2022, ông Lý Văn N (Ông N là bố ruột của anh Lý Văn Đ) là người làm chứng trình bày:

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống của anh Đ và chị H như anh Đ trình bày là đúng. Sau ngày cưới anh chị về chung sống cùng vợ chồng ông tại thôn T, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng được khoảng 1, 2 tháng sau thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi chửi và đánh nhau. Đến đầu năm 2022 chị H tự ý bỏ nhà đi, chị H đi đâu, làm gì ông cũng không rõ. Anh chị ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết ly hôn cho anh Đ và chị H vì từ khi chị H về làm dâu có những hành động không chuẩn mực. Về con chung, anh Đ và chị H không có con chung. Về tài sản, đất đai, công nợ chung không có gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lý Văn Đ, xử cho anh Lý Văn Đ được ly hôn với chị Bùi Thị H. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: không có tranh chấp nên không xem xét. Về án phí ly hôn sơ thẩm anh Lý Văn Đ phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Lý Văn Đ và chị Bùi Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác

định là: *Tranh chấp ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Lý Văn Đ và chị Bùi Thị H đều đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn T, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Anh Lý Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Bùi Thị H vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của anh Lý Văn Đ, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của anh Đ và chị H xác định: Anh Đ và chị H kết hôn vào năm 2021. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại thôn T, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Đến khoảng cuối năm 2021 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Bản thân anh Đ xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, chị H không có ý kiến gì, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy chị H cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa anh Đ và chị H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh Đ là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Xác định anh chị không có con chung nên HĐXX không xem xét.

[6] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh Đ xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Anh Lý Văn Đ phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Bùi Thị H không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lý Văn Đ về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn* đối với chị Bùi Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lý Văn Đ được ly hôn với chị Bùi Thị H.

2. Về án phí: Anh Lý Văn Đ phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002193 ngày 13

tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Chị Bùi Thị H không phải nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Tuấn Linh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Hữu Lượng – Đinh Thị Hạnh

Lê Tuấn Linh

